TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 225/2018/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Bảo, ngày 07 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81,82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 290/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị S; nơi cư trú: Thôn 3, xã BB, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước.

2. Anh Đoàn Như Tr; nơi cư trú: Thôn 1, xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự thụ lý số 290/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đã được thẩm tra tại phiên hòa giải và căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Đoàn Như Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hà, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước từ ngày 07/09/1999. Như vậy, hôn nhân này là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 08

năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2007 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người sống một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay chị S và anh Tr đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ không thành. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Đoàn Như Tr.

[2] Về con chung: Chị S và anh Tr có 02 con chung là Đoàn Như Phương N, sinh ngày 23/02/2000 và Đoàn Như Phương B, sinh ngày 19/02/2002. Hiện con chung Đoàn Như Phương N đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận: Giao con chung Đoàn Như Phương B cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét, sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với thực tế về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh Tr và phú hợp với nguyện vọng được ở với bố của cháu B. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị S và anh Tr.

[3] Về tài sản chung: Chị S và anh Tr không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị S và anh Tr thỏa thuận: Chị S xin nhận chịu cả lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét, thỏa thuận trên phù hợp với quy định theo khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Đoàn Như Tr thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Đoàn Như Phương B, sinh ngày 19/02/2002 cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi

khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị S và anh Tr không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị S và anh Tr mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S nhận nộp cả 300.000 đồng, lệ phí ly hôn sơ thẩm. Chị S đã nộp đủ số tiền lệ phí nêu trên theo biên lai thu số 0001218 ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Long Hà, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Đức Vịnh